UBND TỈNH SÓC TRĂNG **BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 34 /BC-BQL	*Sóc Trăng, ngày 17 tháng 06 năm 2022*

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC)

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện công tác CCHC, Ban Quản lý các khu công nghiệp đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 15/KH-BQL ngày 14/3/2022 thực hiện cải cách hành chính năm 2022 (thay thế Kế hoạch số 01/KH-BQL ngày 26/01/2022 thực hiện cải cách hành chính năm 2022) và các kế hoạch khác có liên quan đến công tác CCHC[1].

2. Cải cách thể chế

Ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện công tác pháp chế. Tiếp tục nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến khu công nghiệp.

Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Ban Quản lý các khu công nghiệp tham mưu UBND tỉnh ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và đúng theo quy định pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC và kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC. 100% TTHC được công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng thông tin điện tử của cơ quan.

Trình Chủ tịch UBND phê duyệt 31 quy trình nội bộ giải quyết TTHC (Quyết định số 3826/QĐ-UBND ngày 30/12/2021). Tính đến nay, Ban Quản lý đã trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đầy đủ 40/40 quy trình nội bộ giải quyết TTHC.

---

[1] Các kế hoạch có liên quan đến công tác CCHC năm 2022: Kế hoạch số 02/KH-BQL ngày 26/01/2022 thực hiện công tác kiểm soát TTHC; Kế hoạch số 03/KH-BQL ngày 26/01/2022 rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch số 12/KH-BQL ngày 28/02/2022 tuyên truyền CCHC; Kế hoạch số 14/KH-BQL ngày 14/3/2022 kiểm tra công tác CCHC, công tác kiểm soát TTHC; Kế hoạch số 06/KH-BQL ngày 10/02/2022 duy trì, cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Kế hoạch số 10/KH-BQL ngày 25/02/2022 thực hiện công tác pháp chế.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

Triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý; ban hành các quyết định về điều động, bổ nhiệm và phân công nhiệm vụ đối với công chức, nhân sự chủ chốt tại Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp Sóc Trăng (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý).

Quyết định giao biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp năm 2022 gồm 17 biên chế và 10 HĐ 68 (Quyết định số 18/QĐ-BQL ngày 13/01/2022).

5. Cải cách công vụ

Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm của Ban Quản lý các khu công nghiệp gửi Sở Nội vụ thẩm định (Tờ trình số 01/TTr-BQL ngày 14/01/2022).

Triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong và ý thức phục vụ của đội ngũ công chức trong thi hành công vụ gắn với công tác đánh giá và phân loại công chức theo quy định. Kết quả, có 02 công chức lãnh đạo tham gia bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý năm 2022; 01 Bảo vệ khu công nghiệp An Nghiệp tham gia tập huấn cán bộ dân quân tự vệ năm 2022; 01 công chức đang học lớp trung cấp lý luận chính trị.

6. Cải cách tài chính công

Ban hành Quyết định về Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (thay thế các quyết định không còn phù hợp với quy định hiện hành). Tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính đảm bảo tiết kiệm; thực hiện chi thu nhập tăng thêm Tết Nguyên đán Nguyên đán năm 2022 cho công chức, người lao động với mức thưởng cao nhất là 10.749.656 đồng và thấp nhất là 6.374.595 đồng.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao hiệu suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về thực hiện TTHC mức 3, 4 cho doanh nghiệp biết, hiểu và sử dụng.

Ban Quản lý các khu công nghiệp đã ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và kế hoạch duy trì, vận hành Cổng thông tin điện tử thành phần Ban Quản lý các khu công nghiệp năm 2022; ban hành Quyết định Điều chỉnh thành viên Ban biên tập Cổng thông tin điện tử thành phần Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng.

Để tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng trong hoạt động của cơ quan, trong đó có đơn vị sự nghiệp công lập là Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp Sóc Trăng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đã đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông hỗ

trợ cấp Mã định danh của Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp Sóc Trăng trên Hệ thống trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Sóc Trăng.

Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

(Đính kèm bảng thống kê số liệu và kết quả thực hiện CCHC)

II. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ

1. Trưởng ban đã chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch có liên quan đến công tác CCHC và các kế hoạch khác nhằm thực hiện kịp thời ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp. Tổ chức họp giao ban định kỳ hàng tuần để nghe các phòng báo cáo tiến độ thực hiện, khó khăn, vướng mắc, đồng thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đảm bảo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, 100% công chức sử dụng hệ thống văn bản điện tử trong giải quyết công việc, sử dụng chữ ký số và không trình ký văn bản giấy. Đôn đốc, nhắc nhở việc xử lý hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử đảm bảo đúng với tiến độ xử lý hồ sơ thực tế.

Gương mẫu trong thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức.

Tuân thủ các quy định về chế độ hội họp trong hoạt động cơ quan như giảm số lượng cuộc họp không cần thiết, nâng cao chất lượng cuộc họp; chuẩn bị tốt các cuộc họp do cơ quan chủ trì; cử người tham gia dự họp đúng thành phần được mời dự họp.

Tiếp tục quán triệt, phổ biến đến công chức, người lao động Đề án văn hóa công vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018.

2. Đối với công chức, người lao động

Công chức, người lao động nâng cao ý thức kỷ luật, chấp hành nghiêm nội quy, quy chế làm việc cơ quan; không sử dụng thời giờ làm việc vào việc riêng; không uống rượu, bia trước, trong giờ làm việc hoặc khi thi hành công vụ,...; có tinh thần, thái độ niềm nở, tôn trọng khi tiếp doanh nghiệp; chấp hành nghiêm quy định về an toàn giao thông và quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính với tinh thần nghiêm túc, cầu thị, nhanh chóng.

III. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và kết quả triển khai Đề án văn hóa công vụ

1. Tiếp tục triển khai, quán triệt đến toàn thể công chức trong cơ quan Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc và Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án văn hóa công vụ; Quyết định 319/QĐ-BNV ngày 10/5/2019 của Bộ Nội vụ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về phòng chống tham nhũng, Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản có liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng.

2. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng

Quy chế làm việc rõ ràng, minh bạch, cụ thể bảo đảm ngăn chặn được tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, vòi vĩnh, vụ lợi trong thi hành công vụ.

Trong giao tiếp với người dân, công chức luôn tôn trọng lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc. Thực hiện “4 xin, 4 luôn”: xin chào, xin lỗi, xin cám ơn, xin phép; Luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ.

Tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ với phương châm “Thi đua xây dựng cơ quan, đơn vị văn minh, hiện đại, xanh sạch, đẹp” và “Thi đua thực hiện kỷ cương, trách nhiệm, tận tụy, chuyên nghiệp”, phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025" ban hành kèm theo Quyết định số 1135/QĐ-BKHĐT ngày 30/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Xử lý nghiêm người đứng đầu có biểu hiện bao che, dung túng công chức dưới quyền có hành vi sai trái hoặc công chức dưới quyền có hành vi những nhiễu, gây phiền hà đối với doanh nghiệp.

Nghiêm chỉnh thực hiện đúng quy định việc tiếp công dân, tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp, người dân theo đúng quy định.

3. Thực hiện CCHC, đổi mới công nghệ quản lý và tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan

Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết, không để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ, không yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ, tài liệu quá 01 lần. Thực hiện việc

xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng qua hệ thống văn bản điện tử của tỉnh, sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính. Công khai tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng thông tin điện tử và hệ thống một cửa điện tử của cơ quan.

Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và trả kết qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Tăng cường tuyên truyền và hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích.

Thường xuyên rà soát, thống kê các TTHC trên cơ sở quyết định công bố của bộ, ngành chuẩn hóa để kịp thời trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.

Tiếp tục công khai địa chỉ đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị, tố cáo của người dân, doanh nghiệp, nhất là về hành vi nhũng nhiễu gây phiền hà (Thông báo số 213/TB-BQL ngày 10/12/2019).

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện CCHC 6 tháng đầu năm 2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- BLĐ;
- Các phòng;
- TT HT&DV KCN;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SÓC TRĂNG

Ban Quản lý Các Khu công nghiệp Tỉnh Sóc Trăng
17-06-2022 15:28:42 +07:00

Nguyễn Thanh Trong

THỐNG KÊ CHỈ TIÊU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 TẠI BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Báo cáo số 54 /BC-BQL ngày 17 tháng 06 năm 2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng)

Ban Quản lý các Khu công nghiệp
Tỉnh Sóc Trăng
17-06-2022 15:29:22 +07:00

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	43,75	Kế hoạch số 15/KH-BQL ngày 14/3/2022 (thay thế Kế hoạch số 01/KH-BQL ngày 26/01/2022)
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	16	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	7	Các KH: pháp chế, KS TTHC, Ứng dụng CNTT, CCHC, tuyên truyền CCHC, kiểm tra CCHC; Đề án VTVL của BQL
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	3	KH CCHC, KH tuyên truyền CCHC, KH kiểm tra CCHC
2	Kiểm tra CCHC			Kế hoạch số 14/KH-BQL ngày 14/3/2022

	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	Thời gian kiểm tra: Quý III/2022
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
3	Tuyên truyền CCHC			Kế hoạch số 12/KH-BQL ngày 28/02/2022
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	66,7	Đã tuyên truyền 6/9 nội dung theo KH (1, 2, 3, 4, 6, 7)
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài	0	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	5	Tháng 01, 02, 3, 4, 5
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, …)	Tin, bài	5	Đăng tải trên Cổng TTĐT của BQL các KCN, chuyển nhóm Zalo

	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,…	Có = 1 Không = 0	1	Tuyên truyền hàng tháng thông qua họp giao ban
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	2	Đang phối hợp với sở ngành liên quan để thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5	Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC	Không = 0;Có = 1	0	
6	Thực hiện khen thưởng về kết quả CCHC	Không = 0;Có = 1	0	
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	32	

	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	Lấy ý kiến khi trả kết quả
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%	100	
8	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10 và Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt =1 Có vi phạm = 0	1	
9	Nhiệm vụ khác (nếu có)			
II	Cải cách thể chế			
1	Số VBQPPL đã tham mưu ban hành	Văn bản	0	Nghị quyết
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng tiến độ	Văn bản	0	Quyết định
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản		

2	Rà soát VBQPPL			
	Số VBQPPL phải rà soát			
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	6	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	Không = 0;Có = 1	1	
	Số lượng văn bản đã tuyên truyền	Văn bản		
III	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Kiểm soát TTHC	Không = 0;Có = 1	1	

	Số lượng TTHC thực hiện rà soát	TTHC	2	
2	Kế hoạch rà soát TTHC	Có = 1Không = 0	1	Kế hoạch số 03/KH-BQL ngày 26/01/2022
3	Đơn giản hóa TTHC	Không = 0;Có = 1	0	
	Rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định	Thủ tục	0	
	Giảm thành phần hồ sơ	Thủ tục	0	
	Khác	Thủ tục		
4	Thống kê TTHC			
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	0	
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	

	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	40	
	- Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị:	Thủ tục	40	
	- Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc:	Thủ tục	0	
5	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ảnh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	0	
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	0	
6	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	1	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	

	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
7	Kết quả giải quyết TTHC			
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận		51	Một cửa: 48; Một cửa liên thông: 03
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả		48	Một cửa: 46; Một cửa liên thông: 02; Trong hạn đang giải quyết: 03
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	100	
IV	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng ban chuyên môn thuộc khối văn phòng sở	Cơ quan, đơn vị	3	Văn phòng, Phòng KHTH, phòng QLXDMT

	Số tổ chức hành chính trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị		
	Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức hành chính trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	1	Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ KCN Sóc Trăng
	Số phòng ban chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số lượng phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	2	Phòng QLĐT, phòng QLDN.
	Tỷ lệ phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	100	
	Số lượng đơn vị sự nghiệp cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%		

2	Số liệu về biên chế công chức			
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	27	
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	24	Do điều động 3 công chức đến làm việc tại Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ KCN Sóc Trăng
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	10	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)		0	
	Tổng số người làm việc được giao	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người		

	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn (nếu có)		6	
	Tổng số người làm việc được duyệt	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	6	
5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo cấp sở, ngành	Người	4	
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành	Người	5	3 TP; 01 PTP; 01 PGĐ
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc	Người	0	

6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước		0	
	Số đơn vị hành chính cấp huyện, phòng chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
7	Thanh tra chuyên ngành		0	
	Số sở ngành và các đơn vị trực thuộc sở ngành đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		

	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1Không = 0	0	
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Có = 1Không = 0	1	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có)			
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		

	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	1	01 công chức được điều động từ Văn phòng HĐND và UBND huyện Châu Thành (theo QĐ số 116/QĐ-SNV ngày 29/4/2022 của Sở Nội vụ).
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	**5**	
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	1	Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh về việc điều động, bổ nhiệm ông Châu Hoàng Tú giữ chức vụ Phó Trưởng ban, BQL các KCN.
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	1	Quyết định số 39/QĐ-BQL ngày 22/4/2022 bổ nhiệm bà Phạm Thị Thanh Tuyền giữ chức vụ Chánh Văn phòng BQL các KCN.

	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	Số người được đạo tào, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	37	Văn bản số 1118/BQL-VP ngày 30/12/2021
	Số người đã được đạo tào, bồi dưỡng thực tế	Người	2	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người	1	
	Kết quả thực hiện thực tế	Người	1	Quyết định số 43/QĐ-BQL ngày 10/5/2022
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người		

	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn			
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần			
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo			
VI	Cải cách tài chính công			
1	Sở ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	

2	Số tổ chức hành chính trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị		
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		1	Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ KCN Sóc Trăng
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
4	Quy chế chi tiêu nội bộ của sở ngành đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 31/QĐ-BQL ngày 28/01/2022
5	Số lượng đơn vị trực thuộc có Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	Đã dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ. Hiện nay đang chờ Sở Tài chính thẩm định phương án tự chủ loại 2, để có cơ sở để ban hành.

VII	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
1	Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT	Có = 1;Không = 0	1	Kế hoạch số 13/KH-BQL ngày 28/02/2022.
2	Bố trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT	Người	1	01 công chức phụ trách CNTT
1	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn bản	685	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	Văn bản	586	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	Văn bản	99	Các văn bản này là gửi các doanh nghiệp và văn bản mật, không có trên trục liên thông.
2	Vận hành kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
3	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4			

	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	3	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	3	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	0	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	26	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	26	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	1	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	TTHC	2	

	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến đối với các TTHC đã cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	7	Phát sinh 39 hồ sơ, cụ thể: Mức độ 3 là 15 hồ sơ và mức độ 4 là 24 hồ sơ (trong đó có 01 hồ sơ trực tuyến).
	Số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	1	Phát sinh 01 hồ sơ mức độ 4.
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,…)	TTHC	10	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	TTHC	0	
	Vận hành hệ thống báo cáo cấp tỉnh	Có = 1;Không = 0	1	
	Sử dụng phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	Có = 1;Không = 0	1	
	Số lượng công chức, viên chức có tài khoản thư điện tử chính thức	Người	20	Công chức là 15 và viên chức là 05
	Số lượng lãnh đạo được cấp chứng thư số	Người	4	
	Triển khai các ứng dụng số khác như: Quản lý nhân sự, Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý Thi đua – Khen thưởng, Quản lý tài sản	Số lượng phần mềm		Có

4	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	TTHC	40	
	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
5	Áp dụng ISO trong hoạt động			
	Sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	Đã công bố lại năm 2021
	Sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	0	Theo KH sẽ đánh giá trong quý III/2022

	Sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	0	
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	0	Đang thực hiện
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	0	
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	0	